

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/6/2022

*V/v ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Tuyết**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Bà **Phạm Thị Em**

2- Ông **Nguyễn Hoàng Phúc**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà **Lê Thị Ngọc Phấn** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114 /2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Trúc G, sinh năm 1988;

Địa chỉ: A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Tường V, sinh năm 1988;

Địa chỉ: A, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Chị G có mặt, anh V vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị G trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình Tường V tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L huyện C, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 01/8/2012. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị hạnh phúc được khoảng 5-6 năm. Đến năm 2018 thì anh chị mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, anh V không biết tính toán trong việc làm ăn, tính tình nóng nảy cộc cằn, anh V còn không trung thực gây nợ mà chị không rõ nguyên nhân. Ngoài ra anh V còn có tính ghen tuông do anh V nghĩ chị có mối quan hệ không rõ ràng với khách hàng và có những lời nói đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của chị. Anh chị không sống chung từ tháng 5/2021 do anh V tự ý đi Sài Gòn. Trong thời gian này thỉnh thoảng vợ chồng chị còn liên lạc dần dần vợ chồng ít liên lạc, và mỗi lần liên lạc vợ chồng không có tiếng nói chung nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Chị và anh V ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không có liên lạc, hay gặp nhau để hàn gắn tính cảm vợ chồng, chị không có quan tâm đến cuộc sống của anh V. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Chí A sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Huỳnh Chí B sinh ngày 30/10/2019. Hiện con Chí A đang ở cùng anh V, con Chí B ở cùng với chị; khi ly hôn chị muốn nuôi 02 con nhưng con Chí A đã lớn nên nếu con ở với anh V chị cũng đồng ý và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Theo bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản làm việc, bị đơn anh Nguyễn Đình Tường V trình bày:*

Anh V thống nhất với phần trình bày của chị G về thời gian vợ chồng anh chị, chung sống và thời điểm anh chị đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được nhiều năm. Sau đó vợ chồng anh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì như chị G trình bày. Anh chị mới ly thân từ ngày 13/2/2022 đến nay. Trong thời gian ly thân thì anh có điện thoại cho chị G nhưng bị chị G chặn điện thoại, tới nhà thì chị G khóa cổng nên vợ chồng không có liên lạc hay gặp được nhau. Anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Giả sử Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung như chị G trình bày. Hiện con Chí A đang ở với anh, anh yêu cầu nuôi con Chí A; giao con nhỏ Chí B cho chị G nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận.

Nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh V. Về con chung, giao con Chí A cho anh V nuôi, con Chí B cho chị G nuôi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh và tại phiên tòa anh V thừa nhận anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và sinh sống ở địa chỉ nêu trên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị G xác định đã không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V.

Theo xác minh của Tòa án thể hiện anh V, chị G từ tháng 2/2022 đến nay không chung sống cùng nhau. Chị G và anh V mỗi người đều đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Bản thân Anh V cho rằng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị G, không đồng ý ly hôn với chị G, tuy nhiên anh không có cách gì để vợ chồng đoàn tụ. Qua hòa giải anh V thừa nhận rằng từ tháng 2/2022 đến nay anh chị đã ly thân. Cũng từ tháng 2/2022 đến nay, mặc dù anh đã cố gắng tìm cách gặp, liên lạc với chị G với mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không có kết quả. Quá trình hòa giải, Tòa án cũng tạo điều kiện về thời gian cho anh V, chị G để hàn gắn vợ chồng nhưng cũng không đạt được kết quả. Hiện tại anh và chị G vẫn mạnh ai người đó sống. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã giải thích các quy định của pháp luật, hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh V nhưng G vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh V ly hôn.

Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V, chị G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận anh V, chị G không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

[2.2] Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Chí A sinh ngày 26/4/2013 và Nguyễn Huỳnh Chí B sinh ngày 30/10/2019. Hiện con Chí A đang ở cùng anh V, con Chí B ở cùng với chị G.

Đối với cháu Chí A hiện đang ở với anh V, có cuộc sống và học tập ổn định. Cả anh V và chị G đều cho rằng chị G, hoặc anh V nuôi con đều tốt, và tôn trọng nguyện vọng của con chung. Quá trình hỏi ý kiến, cháu Chí A có nguyện vọng ở với cha là anh V. Đối với cháu Chí B chị G có nguyện vọng nuôi con, anh V cũng đồng ý giao con cho chị G nuôi. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Chí A; chị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Huỳnh Chí B là đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh V, chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị G, anh V tự thỏa thuận

[2.4] Nợ chung: Chị G, anh V khai không có nên Tòa án không xét đến

[2.5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị G phải nộp

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Trúc G được ly hôn với anh Nguyễn Đình Tường V. Ghi nhận chị G, anh V không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của chị G, anh V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh V được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Chí A, sinh ngày 26/3/2013; Chị G được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Chí B, sinh ngày 30/10/2019; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị G, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người

đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị G, anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị G, anh V khai không có nên Tòa án không xét đến.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị G phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0006270 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị G đã nộp xong án phí.

Chị G quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã L, H. C, T. Bến Tre.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Tuyết**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**